

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/DS-ST
Ngày: 18 -6 -2018
V/v “tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Bình
2. Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Lại - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 18 tháng 06 năm 2018 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2017/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2018/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Chị Lê Thị Bảo N**, sinh năm 1988

Trú tại: ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* **Bà Lê Thị T1**, sinh năm 1964.

Trú tại: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Ông Phan Văn T2**, sinh năm 1960

Trú tại: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị N có mặt, bà T1, ông T2 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Bảo N trình bày:

Vào năm 2017 giữa chị và bà Lê Thị T1 có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi heo, hai bên thỏa thuận bằng lời nói là chị cho bà T1 thiếu 04 tháng sẽ thanh toán 01 lần tính kể từ ngày nhận thức ăn. Tuy nhiên đến hạn trả nợ bà T1 khát lần

không chịu trả. Sau đó, bà T1 nhiều lần viết giấy nợ cho chị hứa sẽ trả nhưng không trả. Đến ngày 19/01/2018 tại tổ hòa giải ấp Tân Lễ II bà T1 hứa trả mỗi tháng 02 triệu kể từ ngày 18/03/2018 cho đến khi hết nợ, nhưng sau đó bà T1 cũng không trả. Việc bà T1 mua thức ăn là để phục vụ kinh tế gia đình nên ông T2 là chồng phải có trách nhiệm liên đới cùng bà T1 trả nợ cho chị.

Trong đơn khởi kiện chị Nêu cầu bà Lê Thị T1 và ông Phan Văn T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 9.000.000 đồng và chị yêu cầu tính lãi từ ngày 03-5-2017 đến ngày 02-4-2018 (11 tháng) với mức lãi suất 1%/tháng là 990.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị N thay đổi nội dung đơn khởi kiện, yêu cầu bà T1 và ông T2 liên đới trả số nợ tiền thức ăn còn thiếu là 9.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Lê Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn T2 vắng mặt nên không có lời trình bày:

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về áp dụng pháp luật tố tụng:* Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về dân sự cụ thể là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Cày Nam.

Bị đơn bà Lê Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T1, ông T2 là phù hợp.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án:*

Chị N yêu cầu bà T1, ông T2 liên đới trả số nợ tiền thức ăn chăn nuôi heo còn thiếu là 9.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chị N cung cấp cho tòa 01 giấy không tiêu đề ngày 1.7.2017 và 01 biên bản hòa giải của tổ hòa giải ấp T. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại biên bản của tổ hòa giải ấp T ngày 18-01-2018 ghi nội dung là chị N cho rằng bà T1 thiếu 16.048.000 đồng nhưng đã trả được 7.000.000 đồng nên còn thiếu lại là 9.000.000 đồng và bà T1 hứa kể từ ngày 18-3-2018 mỗi tháng bà trả 2.000.000 đồng, mỗi tháng tiếp theo bà cũng trả 2.000.000 đồng đến hết số tiền còn lại. Trong biên bản này chị N và bà T1 đều ký tên. Như vậy, việc bà T1 còn thiếu tiền thức ăn của chị N là có thật. Đối với tờ giấy không tiêu đề ngày mùng 01.7.2017 ghi “ Trong dòng 10 ngày tôi trả cho Lê Thị Bảo N 9.000.000 tiền thức ăn” ký tên T1, ghi họ tên Lê Thị T1 và “ 20 tháng 7 bằng mọi giá tôi phải trả đầy đủ 9.000.000” ký

tên T1, ghi họ tên Lê Thị T1. Trong quá trình giải quyết vụ án tòa đã tiến hành tổng đạt và triệu tập hợp lệ bà T1 và ông T2 nhưng bà T1 và ông T2 đều không đến tham gia, cũng không có lời trình bày nhưng tờ giấy ghi nợ này phù hợp với lời khai của chị N và bà T1 tại biên bản hòa giải áp. Như vậy, có cơ sở chứng minh bà T1 còn nợ chị N 9.000.000 đồng tiền thức ăn chăn nuôi heo và có thỏa thuận việc trả nợ nhưng đến hạn bà T1 không trả làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

Việc bà T1 mua thức ăn để chăn nuôi heo nhằm phục vụ kinh tế gia đình, bà T1 và ông T2 là vợ chồng, do đó, chị N yêu cầu bà T1 và ông T2 có nghĩa vụ liên đới trả số nợ 9.000.000 đồng theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp nên được chấp nhận.

Việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi là sự tự nguyện của nguyên đơn nên ghi nhận.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà T1, ông T2 phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc bà Lê Thị T1 và ông Phan Văn T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị Bảo N số tiền thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 9.000.000 (chín triệu) đồng, ghi nhận chị N không yêu cầu tính lãi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Lê Thị T1 và ông Phan Văn T2 phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 450.000 (Bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

Hoàn trả cho chị Lê Thị Bảo N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014880 ngày 02/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu tòa cấp trên xét xử phúc thẩm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Dương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Đường sự;
- Lưu (Hs, Vp)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Uyên